

KỶ NIỆM
111 NĂM NGÀY SINH
CỦA ÔNG
NGUYỄN VĂN VINH



15-6-1882 ÷ 15-6-1993

KỶ NIỆM
80 NĂM
ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ
RA ĐỜI
BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁCH MẠNG
VĂN HÓA CHỦ QUỐC NGŨ



PHAN . KẾ . BÌNH
(1875-1921)



NGUYỄN-VĂN-VINH
1882 - 1936



NGUYỄN ĐÔN MỤC
1882 - 1951

15-5-1913 ÷ 15-5-1993

LỜI NÓI ĐẦU

Viết về Ông Nguyễn Văn Vĩnh 1882 - 1936 cũng như viết về cuộc Cách mạng văn hóa chữ Quốc ngữ, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn:

1^o Đảng và Chính phủ nước S. R. C. H. S. N. Việt Nam chưa từng kết lịch sử Cách Mạng giải phóng dân tộc 1863 - 1975, mà chỉ mô. tổng kết giải đấu cuối cùng, kể từ ngày có Đảng 1930 đến ngày 30-4-1975.

2^o Bảo tàng lịch sử S. N. và Bảo tàng Cách mạng S. N. không có bộ phận bảo tàng chữ Quốc ngữ.

3^o Group thạp kỷ 1930 thực dân Pháp lập tại kỳ niệm St. de Rhodes, tôn lên là người sáng lập ra chữ Quốc ngữ ở vườn hoa đền Bà Kiêu, bộ hồ Hồ Nội. Nhà gần đây chúng ta phá đi để dựng tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh". Mỗi đây Tổng thống Pháp Mitterand sang thăm Việt Nam cũng tặng bộ là có tác Pháp St. de Rhodes là người sáng lập ra chữ Quốc ngữ!!!

Có đúng như vậy không? vấn đề là một vấn đề chúng ta còn phải tiếp tục nghiên cứu và xác định

4^o Những tài liệu lưu trữ ở Thư viện Quốc gia Hà Nội từ 1882 đến 1954, trải qua nhiều thời kỳ biến động, tới nay không còn đầy đủ, một phần quý giá bị mang sang Pháp, và một phần năm 1954 bị chuyển về thư viện Sài Gòn.

5^o Các chính quyền nối tiếp nhau từ 1882 đến 1954. Qua quan nhà Nguyễn, thực dân Pháp, đế quốc Nhật, Tân Trào, đế quốc Mỹ và từ các loại quyền lực khác nhau tìm cách xuyên tạc lịch sử để danh chính nghĩa về mình, nên việc nghiên cứu và sử dụng những tài liệu lịch sử đôi khi phải biết rõ nguồn gốc, và phải sáng một lựa chọn, sàng lọc lấy những không tin chính xác mới sử dụng được.

x x

Khó khăn rất nhiều, nhưng chúng tôi cũng có một thuận lợi cơ bản là: Ông Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà viết báo viết sách, và tự mình in báo in sách, không biết một mớ trong một 30 năm liền từ 1906 đến 1936, gần như không nghỉ một ngày nào, và ông đã để lại một kho tàng sách báo khổng lồ, đã được nhân lên hàng ngàn, hàng vạn bản, nếu chúng ta để công sức tìm tòi và sưu tầm, thì dự rằng cho tới nay đã gần 90 năm, chúng ta vẫn có thể sưu tầm được đầy đủ ở khắp mọi nơi trong cả nước ta.

Từ "Căn Nam Tử" (người Nam mới) 1907 đến "L'Annuaire Nouveau" (nước Nam mới) 1931 - 1936, theo con đường "Đổi Mới" của Ông Phan Chu Trinh vạch ra từ năm 1906, trong suốt cả cuộc đời của mình Ông Nguyễn Văn Vĩnh luôn luôn giữ vững và phát huy một cách có hiệu quả và sáng tạo đường lối "Đổi Mới" đó. Không một lúc nào đi trệch hướng, và không một thế lực nào, không một danh vọng nào, không một kho báu nào có thể mua chuộc và làm lệch lạc được ông.

Ông đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ của mình và đã hy sinh một cách trong sáng, với hai bàn tay trắng chỉ còn có một quàn bút, ở trong giữa rừng Trường Sơn ở bản Lào đung vào ngày 1-5-1936.

x x

Ngày 15-6-1982, nhân ngày kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Ông Nguyễn Văn Vĩnh, chúng tôi là con, cháu, và chắt của ông, đã cùng nhau họp mặt làm lễ kỷ niệm, và tổ chức nhiều buổi lễ và quyết định như sau:

1^o Dù khó khăn và tốn kém tới mấy chúng tôi cũng cố gắng tìm tòi, và sưu tầm cho được đầy đủ kho báu mà Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã để lại, cho gia đình chúng tôi gồm có trên 10.000 bài báo viết bằng chữ Quốc ngữ và Pháp văn, các thể loại khác nhau, và gần 1000 pho sách viết và dịch cũng đủ các thể loại khác nhau.

22 Quyết không sử dụng một tài liệu viết về ông Nguyễn Văn Vĩnh và về chủ Quốc Ngữ này có nào, nếu tài liệu đó không phù hợp với những bài báo của ông Vĩnh thì viết.

32 Lịch sử ông Nguyễn Văn Vĩnh ông đã tự mình viết lại, và không có tài liệu nào chính xác hơn, chúng tôi chỉ cần có một nửa tâm và sắp xếp lại cho có hệ thống.

Sau 10 năm sống tạm từ 1982 đến 1992 chúng tôi đã hoàn thành được gần một nửa khối lượng công việc và chúng tôi tin chắc rằng chúng tôi sẽ thành công tốt đẹp. Đối các con ông Nguyễn Văn Vĩnh chúng tôi chưa dám chắc đã hoàn thành được đồng bộ, những đôi chân và chất của ông nhất định sẽ tiếp tục hoàn thành và hoàn thành được tốt hơn.

Chúng tôi đã tìm ra được Phó bản không lỗi và vô giá mà người Nam Hải của Việt Nam Mới đã để lại cho chúng tôi, và cho tất cả chúng ta. Ông Nguyễn Văn Vĩnh không chết, và không chết với hai bàn tay trắng, chúng tôi đã được thừa hưởng một gia tài vô giá nhất.

Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 1993

Các con, cháu và chất
Ông Nguyễn Văn Vĩnh

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ CHỦ QUỐC NGỮ

I - THỜI KỲ THỨ NHẤT 1533 - 1863

1° Chủ Quốc Ngữ có từ bao giờ? Dùng mẫu tự La-tinh để phiên âm viết tiếng Annam có từ khi có người Âu châu sang sinh sống và làm việc ở An Nam.

Theo Diệt Nam sử lược là 1533 vào thời hậu Lê, miền Bắc có chúa Trịnh, miền Nam có chúa Nguyễn.

2° Chúng ta có thể xác định được ai là người đầu tiên dùng mẫu tự La-tinh để viết tiếng An Nam không?

Có thể năm 1533 là có đạo thầy ba nhà I-nê-kiô, giáo hội 16 có có đạo thầy ba nhà Diego de Berbe, có đạo Bồ đào nhà Gaspard Amiral và Antoine Barbois là những có đạo đã viết và in ra những quyển từ điển An Nam La-tinh - Bồ đào nhà và Bồ đào nhà - La-tinh - Annam và là những có đạo phụ trách mở các lớp dạy nơi và viết tiếng An Nam cho các có đạo người Âu ở Sa-ti, cũng bên Bồ đào để sang bên An Nam giảng đạo.

3° Có đạo Pháp A. de Rhodes là thế nào? Có đạo A. de Rhodes 1620 sang Bồ đào để chuẩn bị sang An Nam 1624 mở đến giảng đạo ở Phú Xuân và giữa năm 1625 ra Bắc, đến 1651 trở về Bồ đào phụ trách lớp dạy tiếng An Nam đã viết và in ra quyển từ điển An-Nam - La-tinh - Bồ đào nhà và sách giáo lý bằng tiếng An Nam.

4° Vậy công đầu làm ra chủ Quốc ngữ là ai? Là Va-ti-Căng ở Bồ đào, hiện nay ở đó còn lưu trữ đầy đủ những tài liệu về việc này.

Trong suốt 330 năm từ 1533 ÷ 1863 không một người Việt Nam biết và dùng chủ Quốc ngữ này.

II - THỜI KỲ THỨ HAI 1863 - 1906

5° Chủ Quốc Ngữ phát triển ở miền Nam như thế nào? Trước dân Pháp xâm chiếm miền Nam trước: 1863 chiếm 3 tỉnh miền đông, 1873 chiếm xong cả 6 tỉnh Nam bộ, nên chủ Quốc Ngữ phát triển ở miền Nam trước.

Pháp đón ông Trương Vĩnh Ký, học ở trường dòng Pê-Nan

7: Ai là người khởi xướng làm CMVT cho Quốc Ngữ?

1906 Ông Phan Chu Trinh sau khi đi tù về đất Nhật Bản và Trung Quốc, trở về Việt Nam ông chủ trương sách mang đời mới, nói chung chủ yếu đi để trình bày trong báo thời giờ? cho toàn quyền Đông dương năm 1906.

1907 thành lập Đông kinh nghĩa thực để truyền bá Quốc ngữ và nâng cao dân trí.

1907 cũng trong năm đó lấy báo "Đông cổ tùng báo" làm cơ quan ngôn luận để đời mới, làm cách mạng văn hoá tiến tới bỏ hẳn chữ nho, xây dựng ngôn ngữ viết của dân tộc Việt Nam.

Cách mạng văn hoá chữ Quốc Ngữ đòi hỏi ít nhất hàng chục năm nữa mới hoàn thành được, nên trước mặt phải thành lập hội giúp đỡ người Việt Nam đi sang Pháp học.

8: Ông Nguyễn Văn Vĩnh đóng vai trò thế nào trong sách mang đời mới? Ông Vĩnh tiếp phần công làm nhà in, làm báo và viết sách một cách công khai. 1906 ông đã xin từ chức thông ngôn tòa đốc lý Hà Nội và bắt đầu làm nghề tự do. Công ty với một người Pháp làm nhà in Dupont Ng-o-ri-er ở phố Tràng Tiền Hà Nội. 1907 ông làm chủ bút tờ Đông cổ tùng báo, 1908 Đông kinh nghĩa thực bị thực dân Pháp khủng bố, báo Đông cổ tùng báo bị đình bản, các đồng chí đều bị Pháp bắt, xét xử và đưa đi đày ở Sơn đảo. Riêng ông Vĩnh được Hội nhân quyền ở Shorider bảo vệ nên vẫn tiếp tục làm nhà in. 1908-1910 ông ra tờ báo một tiếng tiếng Pháp "Notre journal" sau đó là "Notre revue" dịch ra tiếng Việt là "Đào của ta" và "Sap chí của ta" để trình bày rõ tư tưởng hội cách mạng đời mới, tranh luận về tôn giáo, văn hoá, chính trị Pháp. Bên đó 1911-1912 Schneider thực hiện ra báo "Lục tỉnh tân văn" ở Saigon lại một ông Vĩnh vào làm chủ bút cách mạng văn hoá chữ quốc ngữ lại tiếp tục và tiếp mở rộng ra trong cả nước.

9: Báo Đông dương tạp chí ra đời như thế nào? 15-5-1913

về làm thông ngôn để giao dịch với Triều đình Huế. Giao cho ông mở trường thông ngôn chữ Quốc Ngữ để dạy người miền Nam học tiếng Pháp, ông đã viết dịch và in ra rất nhiều sách chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và chữ nho, nhưng chủ yếu là sách giáo khoa. Ông đã là chủ bút tờ Đông báo đầu tiên in bằng chữ Quốc ngữ, tờ "Gia đình báo" có các ông Huỳnh tính Cận, Tôn thọ Tồn và Trương minh Ký cũng hợp tác.

Chữ Quốc ngữ lúc bấy giờ chỉ mới được dùng trong một diện rất hạn hẹp ở trong miền Nam, nó không ảnh hưởng đến dân chúng, nên nhân dân ta vẫn dùng chữ nho và chữ nôm là chủ yếu. Thêm vào đó từ trước miền Nam lúc bấy giờ chỉ dùng chữ Quốc ngữ để học tiếng Pháp, khi học được tiếng Pháp rồi thì bỏ chữ Quốc ngữ, nhập tịch dân Pháp và đi sang Pháp học tiếp. Vì vậy chữ Quốc ngữ không phát triển được.

6: Ông Trương Vĩnh Ký là ai? Ông Trương Vĩnh Ký 1837-

1898, tên thật là Petrus Ký người tỉnh Bình Long, con một ông quan triều Nguyễn, làm việc tại Cao môn, mồ côi cha từ nhỏ, một cô giáo người Pháp, có lòng nhân làm con nuôi, và ngay từ lúc 11 tuổi ông đã được đưa ra nước ngoài (Ma-lai-xia) học tại trường Đông Phương.

Ông rất thông minh và được đi học có hệ thống nên rất giỏi và thông thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài: Pháp văn, Hán văn, Tây lập, La-tinh, Anh văn, Nhật, Ấn độ.

Ông viết và in ra rất nhiều sách bằng chữ Quốc Ngữ, Pháp văn và Hán văn, trong đó có: Sách dạy chữ Quốc Ngữ, Sách dạy chữ nho, Grammaire de la langue khmerite, Petit dictionnaire Français Annamite, và v.v..

Ông ở đây và làm việc trong thời loạn lạc nên sự nghiệp còn hạn chế, ông đã góp phần làm cho chữ Quốc Ngữ trở nên sáng tỏ hơn.

1.50 Đông Dương tạp chí ra đời, là một mối liên hệ giữa cách mạng trong nước và ngoài nước. Bà Phan Bội Châu là chủ nhân của cách mạng Pháp ở phố Hàng Bài Hà Nội; Hắc dân Pháp hoàng bất nhương bỏ việc mang đũa mới của sự Phan Bội Châu, trả lại lại cho một số đồng chí Đông Dương tạp chí ra đời xuất bản Đông Dương tạp chí ở Hà Nội.

10. "Đông Dương tạp chí" đã đóng góp gì cho cách mạng văn hóa?
Đông Dương tạp chí ra hàng tuần vào ngày thứ năm từ 1913 đến 1917 đã làm cho chí Quốc ngữ trở thành ngôn ngữ viết của dân tộc Việt Nam.

1915 chí Quốc ngữ đã trở nên phổ thông ở hầu khắp mọi nơi và trường học hướng bằng chữ nho được bãi bỏ. 1917 trường học bị đình đốn, bãi bỏ và cuối cùng 1919 trường học đình đốn lại bỏ nốt.

1917 Đông Dương tạp chí đổi thành Trung Bắc tân văn báo ra hàng ngày từ 1918 làm đầu tiên người Việt Nam soạn sách Malaise trên sân khấu như hát chèo Hà Nội.

Không chỉ kiến trúc, tranh ảnh, ni thần công nghệ sách mới trên báo chí Quốc ngữ.

NHÓM ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

PHẦN THỨ NHẤT

TIỂU DẪN

I. — THỜI - ĐẠI CỦA ĐÔNG - DƯƠNG TẠP - CHÍ

với Nguyễn - văn - Vĩnh, Phan - kẻ - Bình, Nguyễn - đỗ - Mục

- Nhóm Đông-Dương Tạp-chí là gì ?
- Nhóm đó đã lập những công-trạng gì ?

Khoảng đầu thế kỷ 20 là một thời kỳ quan trọng trong Văn học sử nước nhà. Đó là thời kỳ chuyển từ chữ Nho, chữ Nôm, sang chữ « Quốc Ngữ », — và từ nền tảng văn học cũ sang nền tảng văn học mới. Đồng thời, đó cũng là thời kỳ tích cực xây dựng văn học mới.

Trong thời kỳ đó, nhóm Đông Dương Tạp chí, với Nguyễn văn Vĩnh, Nguyễn đỗ Mục, Phan kẻ Bình, v.v... đã giữ một vai trò quan hệ bậc nhất.

1.— Trước thế kỷ thứ 20, nền tảng văn học Việt Nam là Hán học.

Chữ viết hồi đó là chữ Nho, thứ chữ của người Trung Hoa. Người Việt ta đã tạo ra một thứ chữ riêng để diễn tả trực tiếp ngôn ngữ Việt, ấy là chữ Nôm. Nhưng chữ Nôm dựa theo chữ Nho, không thể trở nên phổ thông được, vì phải tốn công học rất lâu mới tạm viết được và đọc được. Thêm nữa, chữ Nôm lại không thống nhất: mỗi miền đặt chữ một khác.

Cho nên chữ viết thời xưa, chỉ có một thiểu số rất ít sử dụng. Nền tảng văn học, dựa trên chữ Nho và chữ Nôm, vì thế mà rất hạn chế:

a) về hình thức: Phần nhiều chỉ có văn vần, ít dùng văn xuôi.

b) về nội dung:

— trọng văn hóa Trung Hoa, và thường phê bình tư tưởng Trung Hoa. Ít chú ý đến văn minh Việt.

— không thực dụng, chỉ từ chương.

— văn học là của riêng của một giới (giới sĩ). Không dám động tới quần chúng và mọi hình thức sống của dân Việt. Vì thế mà nền văn học cũ không phổ cập trong dân chúng.

2.— Sự phát minh chữ Quốc Ngữ (1) không làm thay đổi nền tảng văn học cũ trong suốt mấy thế kỷ.

a) chúng ta biết rằng các giáo sĩ Âu Tây sang:

(1) Danh từ dùng sai, nhưng vì đã quen dùng, nên chúng tôi tạm giữ nguyên.

ÔNG NGUYỄN ĐỔ MỤC

Thân thế và văn nghiệp. — (1882-1951)

1.— Ông Nguyễn Đổ Mục là một nhà Hán học. Ông là biên tập viên trong Đông Dương Tạp Chí. Ông chuyên môn dịch những chuyên Tàu, thuộc mọi loại. Nhưng ông cũng có dịch một ít sách Hán thuộc loại khảo cứu và diễn giải về cuốn « Chinh Phụ Ngâm Khúc ».

2.— Các tiểu thuyết Tàu do ông dịch thuộc đủ mọi loại:

- Ái tình tiểu thuyết
- Xã hội tiểu thuyết
- Giáo dục tiểu thuyết
- Lịch sử tiểu thuyết
- Nghĩa hiệp, kiếm hiệp tiểu thuyết.

Những chuyện dịch chính của ông là:

- Song Phượng Kỳ Duyên (chuyện nàng Chiêu Quân)
- Tái Sinh Duyên (chuyện nàng Mạnh Lệ Quân)
- Tây Sương Ký (chuyện nàng Canh Oanh, đăng trong Đông Dương Tạp Chí. Riêng cuốn này dịch theo lối chêm những câu tập Kiều)
- Vô Gia Đình (Chuyện này nguyên bản của Hector Malot, nhưng ông lại dịch theo bản dịch của

sách Tàu. Bản dịch của ông Mục lấy tên là « Đưa trẻ khôn nạn » đăng trong Trung Bắc Tân văn, — sau do ông Đào Hùng nhuận chính lại, và in thành sách, lấy tên là Vở Gia Đình).

— Đông Chu Liệt Quốc (đăng trong Đông Dương Tạp Chí sau do Tân Việt Nam xuất bản) Cuốn Đông Chu Liệt Quốc này rất quý, vì là một kho sử liệu thời Đông Chu, lưu lại cho người sau những kinh nghiệm quý giá về chính trị.

— Hiệp Nghĩa Anh Hùng (tiểu thuyết nghĩa hiệp, đăng trong Tiểu Thuyết Thứ Bảy).

3.— Ông cũng có dịch mấy pho sách quý trong nền văn học Tàu :

— Không Tử Gia Ngữ. Bộ này chép những lời của Đức Không Tử về các tục lệ, như quan, hôn, tang, tế.

— Không Tử Tập Ngữ. Bộ này nguyên bản do Tiết Cử đời Tống soạn, sau lại có Tôn Tinh Diên đời Thanh cũng soạn.

— Bách Tử Kim Đan. Bộ này trích những áng văn hay của các văn gia, triết gia Trung Hoa.

Ông Nguyễn Đỗ Mục dịch cả 3 bộ trên, đăng trong Trung Bắc Tân Văn.

4.— Công trình khảo cứu về văn học Việt Nam : ông Nguyễn Đỗ Mục có khảo cứu và chú giải cuốn « Chinh Phụ Ngâm Khúc » của bà Đoàn Thị Điểm đã dịch nguyên bản của Đặng Trần Côn. Cuốn sách có giá trị ấy, nhan đề là « Chinh Phụ Ngâm Khúc dẫn giải », do Tân Dân (Hà Nội) xuất bản lần thứ nhất năm 1929.

Pháp. Đến trung học, thì chữ Việt lại bị hạ giá hoàn toàn, chỉ còn là một môn sinh ngữ tầm thường, trong khi tiếng Pháp được là thừa ngữ cho tất cả các bài học. Và đến bậc đại-học, thì chữ Việt mất hẳn, chỉ còn chữ Pháp.

Chữ Quốc-Ngữ nhờ nền giáo dục mới mà bắt đầu thông dụng. Nhưng câu đó chỉ có nghĩa là một thiểu số rất ít người Việt biết đọc quốc ngữ, và biết viết ít giòng tầm-tạm. Chưa có gì vui mừng cả. Trong lúc đó, thì chữ Nho, chữ Nôm và nền tảng học cũ bị vùi dập. Trong lúc đó, thì chữ Pháp và nền học Pháp đoạt dần ưu thế. Tình trạng văn học Việt-Nam lúc đầu thế kỷ này, thật là đen tối.

Nếu không có cách thoát ra, chắc hẳn văn hóa Việt phải chìm vào nô-lệ. Nhà văn hóa thứ thời lúc đó hẳn nghĩ rằng chỉ còn một cách : « Bấu tay vào chữ Quốc Ngữ để xây dựng nền văn hóa mới ».

Nếu để tình trạng kéo dài, tiếng Pháp và văn hóa Pháp tràn ngập, thì tiếng Việt và văn hóa Việt ắt suy vi. Trái lại, nếu thực thời nắm lấy chữ Quốc Ngữ làm lợi khí phổ biến văn hóa Việt-Nam, phát huy những cái hay cái đẹp của nền văn-minh Việt, phổ biến những tư-tưởng Đông và Tây để làm cho thích ứng với đời sống, — thì văn hóa chống chọi được với nền văn hóa Pháp, vừa giữ vẹn được bản sắc dân tộc, trong cuộc tranh đấu văn hóa để trợ lực cho cuộc tranh đấu chính trị.

Dân Việt vốn tài tình ở chỗ biết tiến hóa, biết rút tỉa những cái hay của người để tiến lên, mà vẫn

giữ vẹn bản sắc. Công cuộc văn hóa ấy, vào khoảng đầu thế kỷ 20, trao vào tay những người tiên phong, trong đó có Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học, v.v...

4.— Sự xây dựng nền tảng văn học mới.

Thời kỳ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20.—

Vai trò của những người tiên phong.— Nhóm Đông Dương tạp chí.

Như chúng ta vừa nói ở trên, đời sống chính trị, xã hội mới, đe dọa nặng nề vào nền tảng văn hóa Việt-Nam. Nếu không có một nền tảng văn hóa thích ứng với tình thế, thì không những nền văn hóa cổ truyền của ta bị mai một, mà ta lại còn bị một nền văn hóa ngoại lai mới tràn ngập.

Nhắc lại tình-trạng văn-học hồi cuối thế kỷ 19:

a) cái học theo lối cũ bỏ đi. Các kỳ thi theo lối cũ thừa thừa và chấm dứt. Không còn ai nhắc-nhớ và phổ-biến tư-tưởng cổ-truyền.

b) cái học mới, ngoài ít môn thấp-kém về tiếng Việt và chữ Quốc-ngữ, còn toàn là học theo tiếng Pháp và chữ Pháp.

c) nền-tảng văn-học mới không có gì hết. Không có một chương-trình nào, một tư-tưởng nào hướng-dẫn. Không có một thể-văn nào được khơi ra. Tất cả hoàn-toàn khởi-đầu từ con số không! Tương-lai mù-mờ.

Từ con số không đó, phải tạo ra tất cả.

a) phải có một tiếng nói, và một chữ viết chắc-chắn. Tất-nhiên, tiếng nói phải là tiếng Việt. Phải bồi-

dưỡng cho nó thành một tiếng hoàn-hảo. Và chữ viết phải là chữ Quốc-ngữ (danh-tự tuy sai, nhưng đã dùng quen đề chỉ tiếng Việt phiên-âm bằng mẫu-tự La-Mã).

b) phải xây dựng tiếng Việt thành một ngôn-ngữ xứng-dáng. Làm cho nó bình-giản, sáng-sủa, gọn, hay, có ngữ pháp rõ-rệt.— đề nó có thể thay-thế lối văn cũ.

c) phải xây dựng những thể-văn mới làm lợi-khí cho nền văn-học mới.— Ta đã thấy lặn-lướt xuất-hiện ra nhiều thể rất hay: các loại văn xuôi, văn dịch, văn báo-chí, văn khảo-cứu, phê-bình, văn truyện ngắn, truyện dài, văn châm biếm, thơ mới, v.v...

c) nội-dung cũng phải thích-hợp với thời-mới, đề vừa cải-tiến dân-trí, vừa không làm cho dân ta vong bản. Công-việc phổ-biến những cái hay cái đẹp của văn hóa Việt, văn hóa Đông-phương, văn hóa Tây phương, nội-dung những tác-phẩm đầy mục-dịch nâng cao dân-trí, những loại văn viết cho đại-chúng và vì đại-chúng, v.v...

Công-cuộc vá-trời, lấp biển ấy, trong vòng dăm chục năm đã tiến-hành đến chỗ khê-quan: nước ta lại tự tay tạo ra một nền văn-học mới.

Ấy là nhờ những người tiên-phong. Chúng ta tạm chia ra 3 thời-kỳ:

1.— Thời-kỳ khởi-thủy.— Thời-bì chập-chững. Tác-phẩm không ngoài những câu chuyện vặt, kể ra với một cách vụng-về và một tiếng nói cũng non kém.

Chúng ta thấy ở: Trương Vĩnh-Ký, tác giả mấy cuốn *Chuyện đời xưa*, *Chuyện khôi-hài*, *Thông Loại*

Khóa-Trình ; Paulus Của, với tập Chuyện Giải-Buôn và tờ Gia-Định Báo.

2.— Thời-kỳ xây dựng.— Khoảng 1900-1930. Trong thời kỳ này, sáng tác văn nghệ rất ít, và ta cũng chưa có đủ mọi thể văn chương. Nhưng đã tạo được các thể văn này :

- *Văn dịch* : (dịch tiểu thuyết, văn dịch phổ biến tư tưởng nước ta và nước người, Đông và Tây)
- *Văn báo chí* (bình luận, nghị luận, văn tin tức)
- *Văn khảo cứu.*
- *Văn thuật sự* (nhật ký, các cuộc hành trình)
- *Văn tiểu thuyết.*

Chỉ mới có những thể văn đầu, mà nền Quốc Văn mới đã thịnh lên một cách nhanh chóng, giọng văn đã đẹp, hay, ngôn ngữ đã dồi dào. Nhiều người ngạc nhiên thấy rằng tiếng Việt dịch được đủ các loại văn Âu. Quốc ngữ đạt được bước tiến quyết định, không ai phủ nhận được tính chất thiết yếu của nó nữa. Nền tảng văn học mới, với chữ Quốc Ngữ, vững chắc ngay từ bước đầu.

Công đầu trong thời kỳ này về phần Nguyễn Văn Vĩnh và các văn-hữu của ông trong nhóm Đông Dương Tạp Chí, — vừa phần vì ông và nhóm ông đi trước, vừa phần vì các tác phẩm của nhóm rất nhiều, viết bằng thứ văn sáng sủa.

Chúng ta điềm thấy :

A.— Trong nhóm Đông Dương Tạp Chí :

1^o) *Nguyễn Văn Vĩnh* — Với các báo Đại Nam Đăng Cờ Tùng Báo, Lục Tỉnh Tân Văn, Trung Bắc Tân Văn, và Đông Dương Tạp Chí. Các tác phẩm của ông Vĩnh xuất bản từ 1913 đến 1927.

2^o) *Nguyễn Đả Mục*. — Đã dịch nhiều tiểu thuyết Tàu, cộng tác với Đông Dương Tạp Chí.

3^o) *Phan Kế Bình*. — Đã dịch nhiều tiểu thuyết Tàu, nhiều tác phẩm Việt và Trung Hoa, đã khảo cứu nhiều về văn học Việt Nam. Cộng tác với Đông Dương Tạp Chí.

B.— Nhóm Nam Phong.

1^o) *Phạm Quỳnh*. — Chủ trương tạp chí Nam Phong, có công phổ biến văn học Tây và Đông, viết nhiều về khảo cứu. Tác phẩm xuất bản từ 1918 đến 1931.

2^o) *Nguyễn Bá Học*. — Viết truyện ngắn.

C.— Một số tác giả biệt lập

1^o) *Nguyễn Khắc Hiếu* (từ 1916)

2^o) *Trần Tuấn Khải* (từ 1923)

3^o) *Hoàng Ngọc Phách* (Tổ Tâm 1925)

4^o) *Nguyễn Văn Ngọc* (từ 1927)

3.— Thời kỳ phát triển.— Thời kỳ này kể từ 1930 trở đi, nền văn học mới phát triển mạnh mẽ, mọi văn thể xuất hiện, khuynh hướng rất nhiều.

Thời kỳ này được phát triển, cũng là nhờ trong thời kỳ xây dựng trước, Nguyễn Văn Vĩnh và các văn hữu trong nhóm Đông Dương Tạp Chí đã :

- a) Tạo nền tảng quốc văn mới.
- b) Gây tin tưởng về việc xử dụng chữ Quốc Ngữ.
- c) Gây ra một trào tư tưởng, học thuật.

4.— Nhóm Đông-Dương Tạp-Chí là gì?
 Công-nghiệp của nhóm Đông-Dương Tạp-Chí.
 Vài điểm so-sánh giữa nền-tảng văn-học cũ
 và nền-tảng văn học mới.

Nhóm Đông-Dương Tạp-Chí là một nhóm gồm
 như ng nhà văn-hóa, chủ trương một tờ báo gọi là Đông
 Dương Tạp Chí để xây dựng văn học, giữa lúc cần có
 một nền văn học mới để thay thế cho nền tảng văn học
 cũ đương bị chế độ rập rập, vào đầu hồi thế kỷ 20.

Lúc nhóm Đông Dương Tạp Chí ra đời, nền tảng
 văn học ta có gì? Chúng ta vốn có một nền tảng văn
 học cổ nhưng đương bị chế độ bảo hộ của Pháp tiêu
 hủy. Nền tảng văn học mới hoàn toàn không có.

Nguyễn Văn Vĩnh đã chủ trương mấy tờ báo, lại
 chủ trương thêm Đông Dương Tạp Chí, một cơ
 quan chuyên về văn học. Đông Dương Tạp Chí,
 xuất bản hàng tuần, vào ngày thứ năm. Số ra mắt vào
 ngày 15 tháng 5 năm 1913. Tạp Chí tập hợp một số
 đông những người viết văn và nghiên cứu văn học, trong
 số đó có 3 người luôn luôn có mặt từ đầu đến cuối.
 Đó là :

— Nguyễn Văn Vĩnh, chủ bút.

— Phan Kế Bính, biên tập viên.

— Nguyễn Đổ Mục, biên tập viên.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh là người tâm học, chủ
 trương những mục nghiên cứu tư tưởng Âu Tây và

dịch các tác phẩm Âu. Ông Phan Kế Bính và ông
 Nguyễn Đổ Mục là những người cựu học, mà biết thức
 thời, dùng phương pháp mới để nghiên cứu cổ học.
 Hai ông dịch các sách Tàu, nghiên cứu và phổ biến các
 tư tưởng và tác phẩm cổ của Việt Nam và Trung Hoa.
 Điều đặc biệt là buổi sơ khai, các ông đã biết dùng
 lối văn nhẹ nhàng, lưu loát, tự nhiên, hợp với từng
 cảnh đề diễn tả những ý cần nói.

Trong Đông Dương Tạp Chí, chúng ta thấy những
 bài thuộc những loại sau :

a) những bài nghị luận.

b) những bài văn dịch (dịch những tác phẩm
 ngoại quốc Đông phương và Tây phương. Dịch những
 tác phẩm cổ của Việt Nam viết bằng Hán văn).

c) những bài khảo cứu về văn học Việt Nam,
 Trung Hoa, Pháp, v.v...

d) những bài trí tác, có tính cách giáo dục, luân
 lý, phổ thông văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị.

d) những truyện ngắn.

Nhóm Đông Dương Tạp Chí đã đem lại cho nền
 văn học Việt Nam :

a) Những tiểu thuyết dịch (gây phong trào yêu
 chuộng Quốc Ngữ, gây phong trào yêu chuộng tiểu
 thuyết, mở đường cho các tiểu thuyết gia).

b) do những bài khảo cứu, phát huy những cái
 hay, cái đẹp trong văn hóa Việt (công trình quý giá
 bậc nhất)

c) phổ biến tư tưởng và tác phẩm Âu (cho người

cờ học xem) và Á (cho người tân học xem), nhờ đây mà có một cuộc tổng hợp tư tưởng có lợi.

d) mở đầu cho một ngành mới, sau rất phồn thịnh : ngành báo chí.

đ) do những truyện sáng tác, truyện dịch, dịch thơ, mở đường cho ngành tiểu thuyết, kịch, thơ mới, truyện ngắn, ký sự, v.v...

Nói tóm lại, nhóm Đông Dương Tạp Chí đã tạo ra một sự tin tưởng vô bờ bến đối với tiếng Việt và chữ Quốc Ngữ, đồng thời mở đường cho nền tảng văn học mới.

Kết luận.—

Nhóm Đông-Dương Tạp Chí với Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Đổ Mục, Phan Kế Bính đã biết thức thời xây dựng nền văn học mới, vào lúc mà thời thế đã bị đảo lộn bởi những biến cố chính trị. Cảm thấy sự quan trọng vô biên của tiếng Việt và chữ Quốc Ngữ, nhóm đó đã đi trước tiên phong bằng cách xây dựng cho tiếng nói và chữ viết đó trở nên vững chắc và phổ thông, đồng thời xử dụng những thể văn mới, mở đường cho biết bao tác giả sau này.

Nhận thức của nhóm đó đã nêu ra rõ ràng, do câu của Nguyễn Văn Vĩnh đã viết trong bài tựa một cuốn sách dịch của nhóm :

" Nước ta mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc Ngữ ". Câu đó có thể là phương châm của nhóm.

II.— ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

Thân thế và văn nghiệp

1.— Thân thế Ông Nguyễn Văn Vĩnh. (1882 — 1936)

— Ông là người làng Phương Vỹ, thuộc phủ Thường Tín, Hà Đông (Bắc Việt).

— Ông sớm theo đuổi nền học mới : theo học tại trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes), ông tốt nghiệp năm 1896 lúc 14 tuổi, và sau đây được bổ làm thư ký Tòa Sứ.

— Năm 1906, ông được dịp may, sang Pháp dự đấu xảo Marseille. Nhờ đây, ông mở rộng tầm mắt, và thấy cần phải theo đuổi một sự nghiệp ích lợi, hơn là làm nghề công chức.

— Cho nên sau khi trở về nước, ông đã xin từ chức và theo đuổi doanh nghiệp, làm nghề tự do. Ngay bước đầu, ông đã thiên về văn học.

a) đời làm công nghệ : mở nhà in, với hoài bão làm cho chữ Quốc Ngữ trở nên phổ thông. Ông có in Kim Vân Kiều (với dụng ý đề tào tiếng Việt rất giàu thịnh và điêu luyện) và tiểu thuyết dịch " Tam

Quốc Chí điển nghĩa • (chính là trong bài Tựa tập này, ông có viết : Nước ta mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc Ngữ).

b) đời làm báo :

1907.— Làm chủ bút Đại Nam Đăng Cờ Tùng Báo (với biệt hiệu Tân Nam Tử).

1908.— Chủ trương tờ NOTRE JOURNAL (1908 — 1909)

1910.— Mở tờ NOTRE REVUE (xuất bản được 12 số)

1910.— cùng năm đó, làm chủ bút tờ LỤC TỈNH TÂN VĂN ở Saigon.

1913.— Ra Hà Nội, làm chủ bút tờ Đông Dương Tạp Chí.

1915.— Đồng thời, kiêm thêm chủ bút tờ TRUNG BẮC TÂN VĂN (3 tờ sau cùng do Schneider sáng lập)

1919.— Mua lại và đứng chủ nhiệm tờ TRUNG BẮC TÂN VĂN, tờ đây xuất bản hàng ngày,

Đây là tờ báo hàng ngày đầu tiên xuất bản ở Bắc Việt.

Cùng năm đó, ông lại kiêm chủ nhiệm tờ HỌC BÁO là tờ báo giáo dục, in bài vở cho giáo viên và học sinh dùng.

1927.— Lập bộ tùng-thư in các sách do ông dịch, gọi là Âu-Tây Tư-Tưởng (La Pensée de l'Occident)

1931.— Mở báo chữ Pháp ANNAM NOUVEAU. Ông vừa làm chủ nhiệm, vừa làm chủ bút.

c) Đời chính trị :

— Làm Hội-viên Hội Đồng Thành Phố Hà Nội (mấy khóa)

— Từ 1913 : Làm Hội-Viên Viện Tư Văn Bắc Kỳ (tức là viện Dân Biều hồi đó)

Hội Đồng này chỉ là Hội Đồng tư vấn mà thôi, không có quyền quyết định, nhưng nhiều nghị viên đã lên tiếng được phần nào.

— Có chân trong Đại Hội Nghị Đông Pháp.

2.— Những tác phẩm của Ông Nguyễn văn Vĩnh

Các sáng tác và các bản dịch của ông hầu hết đăng trên các báo và tạp chí do ông chủ trương, nhất là Đông Dương Tạp Chí và Trung Bắc Tân Văn. Về sau có nhiều bản dịch được in thành sách, khoảng 1928-1936, trong bộ tùng-thư Âu-Tây Tư-Tưởng (La Pensée de l'Occident).

Các tác phẩm đó gồm có :

A.— Phần sáng tác

Những bài luận thuyết, kỹ sự. Tỷ dụ :

— Xét tội mình.

— Phận làm dân.

— Chính đốn lại cách cai trị dân xã.

— Nhời đàn bà (với bút hiệu Đào thị Loan).

— Hương-Sơn Hành trình.

(Những bài trên đăng trong E.D.T.C.)

B. — Phần dịch thuật.

1^o) Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp (đề phổ biến những cái hay trong văn học Việt Nam):

— Kim Vân Kiều Tân Diễn Pháp Văn. (dăng trên Đ.D.T.C. và T.B.T.V.)

2^o) Dịch từ chữ Hán sang tiếng Pháp.

— Tiền Xích Bích.

— Hậu Xích Bích (đều dăng trong Đ.D.T.C.)

3^o) Dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt. Phần này là chính. Chúng ta có thể chia ra từng loại:

a) Văn luận-thuyết:

— Luân-lý học.

— Triết-học yếu lược (dăng trong Đ.D.T.C.)

b) Văn ngụ-ngôn, thơ:

— Thơ Ngụ Ngôn (Fables de La Fontaine. 44 bài)

c) Chuyện cổ tích:

— Chuyện Trẻ Con (Contes de Perrault)

d) Chuyện ký:

— Chuyện các bậc danh nhân Hi Lạp và La Mã (Les vies parallèles des Hommes illustres de la Grèce et de Rome, của Plutarque).

— Sứ Ký Thanh hoa (Le Parfum des Humanités, của Vayrac)

e) Tiểu thuyết:

— Truyện Gil Blas de Santillane, của Lesage.

— Qui-Li-Ve du-ký (Les Voyages de Gulliver, của Swift.)

— Tê-lê-Mặc phiêu-lưu-ký (Les Aventures de Télémaque, của Fénelon)

— Truyện ba người ngự lâm pháo thủ (Les Trois Mousquetaires, của Alexandre Dumas)

— Mai-Nương Lê-Cốt (Manon Lescaut, của Abbé Prévost)

— Truyện miếng da lừa (La peau de chagrin, của Honoré de Balzac)

— Những kẻ khốn nạn (Les Misérables, của Victor Hugo). Riêng cuốn này không thuộc bộ sách Âu-Tây Tư-tưởng vì chưa kịp in.

f) Kịch (Chú ý: ông Vĩnh chuyên dịch hài kịch):

— Bệnh tưởng (Le Malade Imaginaire, của Molière)

— Trường giả học làm sang (Le Bourgeois Gentilhomme, của Molière).

— Người Biền Lận (L'Avare, của Molière).

— Giả đạo đức (Tartufe, của Molière).

(Bên này chưa dịch hết).

— Tục-Ca-Lê (Turcaret, của Lesage).

Công trình sáng tác và dịch thuật của ông Nguyễn Văn Vĩnh thật là lớn, và so với tất cả các nhà văn về sau (kể cho đến ngày nay), ông Nguyễn Văn Vĩnh vẫn còn chiếm kỷ lục về lượng. Vào lúc chữ Quốc Ngữ mới được xây dựng thành dụng cụ phổ biến tư tưởng, có được một văn nghiệp đồ sộ như trên thật là hiếm có.

3. — Nhận xét về văn nghiệp của ông Nguyễn Văn Vĩnh.

a) Ông Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà báo.

Lịch sử báo chí Việt Nam đi kèm với tên ông Nguyễn Văn Vĩnh. Đó là cái tên chói rạng nhất trong thời kỳ mở đầu thế kỷ. Ông Vĩnh đã là chủ bút tờ báo cổ nhất ở Việt Nam viết bằng chữ Quốc Ngữ (Đại Nam Đẳng Cỗ Tùng Báo). Từ năm 1907 đến 1936, ông chủ trương những tờ báo đứng dẫn nhất và quan hệ nhất: Lục Tỉnh Tân Văn, Đông-Dương Tạp Chí, Trung Bắc Tân Văn, Học Báo. Ngoài ra, ông lại viết và chủ trương những báo tiếng Pháp: Notre Journal, Notre Revue, Annam Nouveau.

b) Ông Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà văn.

Các sách dịch của ông thoát khỏi tính cách thời sự (với những tính cách xã hội, chính trị, kinh tế của thời sự nhất thời) để có một tính cách lâu dài, và nhất là có tính cách văn chương rõ rệt. Một phương diện khác: chúng ta đã thấy các văn phẩm của ông in thành sách.

Nhận xét về "nhà văn" Nguyễn Văn Vĩnh, ta nên nhớ rằng ông sống trong một thời kỳ mà nền văn học mới rất phôi thai. Hơn thế, ta lại nên hiểu rằng trong lúc nền văn học mới đi những "bước chập chững đầu tiên", thì ông Vĩnh, tuy là lúc đầu còn đi chập chững, mà đã hơn người ở chỗ « chính ông bước những bước ấy, chính ông tập đi để rồi vững bước và để mọi người vững bước theo ».

Nói như vậy là để giải thích những cái dở trong văn ông Vĩnh, để mà bỏ qua đi. Và đồng thời, cũng

là để nhận xét những cái hay trong văn của ông, mà giá trị còn tăng lên hơn nữa, bởi vì giá trị ấy đã bộc lộ ra từ lúc văn học phôi thai.

Những điểm dở. —

a — Khi mới dịch, câu văn thật lủng lủng, có nhiều câu rất ngây ngô, vì theo cú pháp của văn Tây (như trong những đoạn đầu, dịch Turcaret trong Đông Dương Tạp Chí, năm 1913). Nhưng dần dần, nhờ dịch quen và thêm kinh nghiệm, câu văn mới tránh được các khuyết điểm đó và trở nên tự nhiên, hay.

b — Văn kịch chưa thật sự là tự nhiên và lưu loát, chưa đạt được cái giọng tự nhiên của những câu nói.

c — Nhiều bài thơ đã dịch một cách gò ép, ngây ngô.

d — Nhiều đoạn dịch lại theo lối dịch thoát ý, phỏng dịch, chứ không theo sát ý, — như vậy đôi khi có thể trái ý tác giả. Như ta vốn biết, dịch hay là vừa dịch đúng ý, lại vừa có giọng tự nhiên, giọng đó lại hợp với tính tình của nhân vật.

Những điểm dở ấy không phải là thường thấy trong văn ông Vĩnh. Ngược lại, những điểm hay đã rất nhiều. Dịch quen đi dần dần, ông Vĩnh không những đã tránh được các khuyết điểm trên mà còn tạo ra được thứ văn tốt đẹp.

Những điểm hay. —

a — Có nhiều bài thơ dịch lưu loát, giản dị và vui, (như một số bài Thơ Ngụ Ngôn).

b — Dụng văn đã chú ý dùng giọng điệu của người Việt, dùng những thành ngữ Việt để Việt-hóa

hân các câu văn của nguyên tác. Ông Vĩnh đã thoát được ra ngoài khuôn khổ đặt câu văn Việt Nam theo lối Pháp, và đây là công trình rất quý (sau ông Vĩnh vẫn còn những dịch giả non kém đã dịch một cách ngây ngô vì theo cú pháp ngoại quốc).

c — Bởi thế mà câu văn trở nên tự nhiên, lưu loát, giản dị. Tóm lại, đó là thứ văn điều luyện, làm cho ta đọc thấy ham, vì không bị khó chịu bởi những khuyết điểm. Đọc chuyện dịch mà thấy ham và quên câu văn, ấy là ta đã gặp được thứ văn khéo rồi đó. Ông Vĩnh đã đạt được kết quả ấy.

d — Nhiều khi, ông Vĩnh đã dịch thoát ý — cái ấy có trái với nguyên tắc dịch sát ý — nhưng cũng là để cho câu văn và ý văn khỏi Tây hóa. Ấu cũng là cái hay, vì giọng văn nhờ thế mà càng được Việt hóa.

d — Ông Vĩnh lại còn có cái khéo, là dùng một giọng văn hợp với từng nhân vật, từng cảnh. Dịch không phải là chỉ là theo sát nguyên văn, mà còn phải bộc lộ được tính tình từng người. Có giọng lúng túng, có giọng bỡ ngỡ, có giọng nhỉnh, có giọng đạo đức, có giọng đều giả, có giọng diễm dáng. Người già nói khác, trẻ nói khác, đàn ông nói khác, đàn bà nói khác. Dịch kịch bởi thế mà hóa ra khéo. Ông Vĩnh đã đạt được kết quả trong khi dùng những giọng văn để lột tính thần, tính nết mỗi nhân vật.

e — Vài văn phạm dịch khéo : Truyện trẻ con của Perrault, dịch tự nhiên và lưu loát. Trường giả học làm sang, dịch khéo, câu nói tự nhiên. Mai Nương Lê Cốt, cuốn sách dịch có văn chương điều luyện nhất.

c) Ông Nguyễn Văn Vĩnh, nhà xây dựng văn học.

— *Xây dựng tiếng Việt.* — Đây là công trình quý giá nhất. Ta phải giữ những văn phạm và bài báo trước ông Vĩnh để thấy lối văn ngây ngô và sai lạc, viết không theo một văn phạm nào, mới cảm thấy công của ông Vĩnh. Chính ông Vĩnh cũng đã mò mẫm lúc đầu, sau mới thật thành công, nên giá trị của Ông như thế lại càng tăng.

Hồi đầu, không ai tin rằng tiếng Việt có thể đủ sức để có thể dịch được văn Pháp, tiểu thuyết và thơ Pháp. Ông Vĩnh đã chứng minh ra rằng hoàng khả năng vô biên của tiếng Việt, và góp phần xây dựng lớn lao nhất để biến tiếng Việt thành thứ tiếng đủ khả năng.

— *Khởi thủy ra thơ mới.* — Từ thượng cổ, ta theo các lẽ lối làm thơ của người Tàu. Ông Vĩnh, khi dịch bài "Con Ve và con Kiến" (một bài thơ ngụ ngôn) đã dùng một thể mới, khác hẳn lệ luật cũ :

Con ve sầu kêu ve ve

Sốt mùa hè . . .

Đến mùa gặt bắc thời,

Nguồn cơn thật bối rối . . .

Có thể cho rằng ông Vĩnh đã chủ trương có một thể làm thơ khác những lối cũ. Ông đã đề khởi ra thơ mới.

— *Góp phần tư tưởng, phát huy văn hóa, mở mang trí thức.*

— những bài luận thuyết xây dựng và học tập.

— xây dựng những cơ quan văn học vào lúc khởi thủy. Tự tập các nhà văn tài ba.

— phổ biến tây học đề các nhà cổ học nghiên cứu. Phổ-biến cổ học đề các nhà tân-học nhận-dịnh. Có mục đích góp lại tất cả những yếu tố đề xây dựng văn học Việt Nam.

— gây được phong trào yêu Quốc Văn và tin tưởng ở Quốc Văn.

— Học báo : cơ quan giáo dục.

— Đề khởi nhiều cái mới :

— đề khởi lối văn dịch và phong trào dịch văn.

— đề khởi phong trào tiểu thuyết, kịch, luận thuyết.

— đề khởi phong trào nghiên cứu văn học.

— đề khởi thơ mới.

Tóm lại, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã có công lớn với nền văn học nước nhà.

Năm 1936, khi ông mất, thanh niên, học sinh, đã cùng các nhà văn tiến đưa ông rất đông đảo đến nơi an nghỉ cuối cùng. Như vậy là đề tỏ lòng hâm mộ đối với người đã xây dựng Quốc văn.

ÔNG PHAN KẾ BÌNH

Thân-thế và văn-nghiệp.

A. — Thân-thế. (1876 — 1921)

Bút hiệu : Bưu-Văn.

— Ông người làng làng Thụy Khê, thuộc huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông (làng này ở ngoại châu thành Hà-nội)

— Ông theo Nho học, đậu cử nhân năm 1906. Như vậy, ông có một sở học uyên thâm theo nền học cũ. Ông rất giỏi về quốc văn.

— Tuy thế, ông lại biết theo các phương pháp tân học, biết giá trị của chữ quốc ngữ, đề xây dựng nền văn học mới ; ông đã góp phần lớn lao trong việc phổ biến các tư tưởng của nền văn học cổ của Việt Nam và Trung Hoa.

Ông là biên-tập-viên của các báo :

— Đăng Cổ Tùng Báo.

— Đông Dương Tạp Chí.

— Trung Bắc Tân Văn.

— Học Báo.

Ông đã viết trong Đông Dương Tạp Chí, từ số đầu đến số cuối. Ông chuyên phổ biến tư tưởng Việt Nam và Trung Hoa, sưu tầm và dịch các tác phẩm cũ. Trong tờ Đông Dương Tạp Chí, ông lại còn chuyên giữ phần Hán Văn, trong đó ông phổ biến tư tưởng Trung Hoa (nghiên cứu và sưu tầm cổ văn, tác phẩm của các văn hào và triết gia trong các sách Chiến quốc, Cổ văn, Liệt Tử, Mặc Tử, Hàn Phi Tử. Dịch những truyện trong Tình Sử, Kim Cờ Kỳ Quan, Tiền Hán Thư...)

B.— Tác phẩm.

1.— Thuộc loại Sử, có :

— *Đại Nam Liệt Truyện* (sách dịch 1918—1921)

— *Nam Hải Di Nhân Liệt Truyện*.

— *Đại Nam Điều Lệ* (1912, loại khảo cứu, Đông Kinh Ấn Quán Hà-nội xuất bản).

— *Hưng Đạo Đại Vương Truyện* (Tiểu thuyết, Đông Kinh Ấn Quán Hà-nội xuất bản).

— *Đại Nam Nhất Thống Chí* (sách dịch, 1916-1917)

2.— Thuộc loại khảo cứu văn học :

— *Việt Nam Phong 7 ục*. (1915.)

— *Việt Hán Văn Khóa* (1918 — Trung Bắc Tân Văn xuất bản). Cuốn này góp phần lớn trong việc xây dựng văn học, nghiên cứu đủ các lối văn vần, văn xuôi, các điệu ca nhạc, trích dịch các tác phẩm Việt văn và Hán văn phân ra từng thời kỳ. Tỷ dụ : các tác phẩm của Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân

Hương, Yên Đổ, Lê Quý Đôn... các bài biếu, chiếu, truyện ký, nghị luận, các bài văn tựa... Về văn học Trung Hoa, có dịch những bài, luận về văn chương thượng cổ (Tứ Thư, Ngũ Kinh, Từ Truyện, Chư Tử...) trung cổ (Hán Nho, Tùy Nho...) và văn chương cận kim.

Loại bài dịch những tác phẩm cổ văn, rất nhiều trong Đông Dương Tạp Chí. Công trình sưu tầm, nghiên cứu và dịch của Phan Kế Bính về loại này đã nổi bật hẳn lên.

3.— Thuộc loại tiểu-thuyết :

— *Tam Quốc Chí diễn nghĩa* (1909, sách dịch).

C.— Nhận xét về văn nghiệp của ông Phan Kế Bính.

a) *Công trình sưu tầm*. — Có thể nói : chúng ta ngày nay biết đến những tác phẩm hay thời cổ, trong văn học Việt và trong văn học Trung Hoa, là nhờ ông Phan Kế Bính. Cũng nhờ công trình sưu tầm của ông Phan Kế Bính vào thời kỳ nền văn học cổ gặp khủng hoảng, mà nhiều tác phẩm khỏi bị thất lạc.

Không những thế, ông còn nghiên cứu, sắp đặt, giải bày, làm cho mọi người hiểu được văn học Việt Nam và Trung Hoa bằng như hiểu được mọi cách viết văn cổ.

Về công trình sưu tầm và nghiên cứu này, ông Vũ Ngọc Phan viết : " Ông đã nghiên cứu về các lối văn vần, văn xuôi, các điệu ca nhạc, trích dịch các bài Hán văn, Việt văn từ cổ thời, qua những thời toàn thịnh, cho đến cận đại, để làm khuôn mẫu. Tập biên khảo của Ông

(Việt Hán văn khảo)... làm cho người đọc biết rõ được mối giây liên lạc của Việt văn với Hán văn, và có một ý kiến tổng quát về lịch sử văn học Việt Nam và Trung Hoa.

Ông Vũ Ngọc Phan lại viết thêm: "Về mỗi lối thơ, mỗi lối văn, ông đều có dẫn chứng cả, mà sự lựa chọn của ông rất là đích đáng và công phu..."

b) *Tài dịch thuật.*— Văn dịch của ông Phan Kế Bính thật là tuyệt hay. Nếu người ta còn tìm thấy những khuyết điểm trong văn ông Vĩnh, thì trong văn ông Bính, khó mà tìm ra những khuyết điểm. Tài của ông Bính còn xứng đáng hơn thế, đáng khen hơn thế, bởi ông đã viết văn trong thời kỳ chữ Quốc ngữ phối thai... Một đặc điểm nữa cũng cần nói ngay, là những người dịch Hán văn, thường chịu ảnh hưởng những cách đặt câu theo văn Hán và thường dùng những danh từ Hán, — nhưng ông Bính thì không thế: ông đã dùng những câu văn hoàn toàn Việt.

Bộ tiểu thuyết Tam Quốc Chí được dịch rất hay. Văn giản-dị lưu loát và hấp dẫn. (Ông Vũ Ngọc Phan phê bình: đó là bộ truyện dịch cực hay, có thể làm khuôn mẫu cho tất cả các truyện dịch).

Ông dịch cả văn cũng tài: cần thận, kỹ càng, dịch sát nghĩa, mà lại giản dị, sáng suốt, và tài tình nhất là lột được cả tinh thần văn Tàu. Lời lẽ rắn chắc mà lại tự nhiên. Văn ông, như đã nói, không nề văn Tàu, và lúc nào cũng gọn gàng, rõ rệt, không bị vấp vấp bởi những lối văn.

Về cô văn, những bài thuộc lối văn nghị luận dịch

thật là khó mà ông cũng dịch được rõ ràng và hay. Những bài thơ, ông lại lấy thơ mà dịch, mà cũng hay đều. Thật là hiếm có.

Ông Vũ Ngọc Phan còn nêu ra tính cách hùng tráng trong văn Phan Kế Bính; nói vậy có nghĩa là lời văn danh thép, chắc chắn, rõ rệt. "Từ cách chăm câu (lời ông Phan) đến diễn đạt ý kiến cùng tư tưởng của ông, người ta tưởng như ông là một nhà Tây học kiêm Hán học, chứ không mấy ai biết ông chỉ là một nhà Hán học thuần túy, chưa hề chịu ảnh hưởng Tây học trực tiếp"

Bởi thế mà bảo rằng "trong nhóm Đông Dương Tạp Chí, ông là nhà văn xuất sắc nhất", không phải là ngoa vậy.

c) *Khuyh hướng và mục đích.*

Cầm bút nghiên cứu văn học cũ của Việt Nam và Trung Hoa, trong lúc mà nền học cũ suy tàn, ông Phan Kế Bính đã nhằm ba mục đích rõ rệt:

1.— Bảo tồn nền văn học cũ với những tinh hoa của nó. Những tiến triển trong ngành văn học và giáo dục của nước ta chứng tỏ rằng ông Bính đã có lý, vì chúng ta không thể bỏ nền tảng văn học cũ, mà còn phải nghiên cứu lại cho kỹ càng, còn phải thâm nhập lấy những cái hay cũ để xây dựng nền văn học mới cho hoàn hảo.

2.— Phát huy những cái hay, cái đẹp của dân tộc, tạo sự hiểu biết và gây tin nhiệm đối với văn hóa nước nhà.

3.— Bằng một thứ văn viết rất cẩn thận, rõ ràng và tự nhiên, đầy đủ, xây dựng nền Quốc Văn mới, và gây ra sự tín nhiệm đối với chữ Quốc Ngữ.

Kết luận.—

Trong nhóm Đông Dương Tạp Chí, ông Phan Kế Bính theo đuổi công cuộc phổ biến văn học cổ Việt và Hoa. Là một nhà Hán học, ông đã xử dụng chữ Quốc Ngữ và các phương pháp tân học để làm công việc ấy rất xuất sắc, bằng thứ văn giản dị, rõ ràng, tự nhiên và điêu luyện. Ông đã có công lớn bằng cách dùng các yếu tố văn học cổ, bồi đắp và xây dựng nền tảng văn học mới.

truyền giáo ở nước ta, đã dùng mẫu tự La Mã để phiên âm tiếng Việt. Sự phiên âm đó xảy ra khoảng giữa thế kỷ 17 (chúng có : cuốn Tự Điển đầu tiên về tiếng Việt, in tại La Mã năm 1651)

b) Nhưng từ lúc đó đến cuối thế kỷ 19, chữ Việt viết bằng mẫu tự La Mã (quen gọi là chữ Quốc Ngữ) không được thông dụng và không có ảnh hưởng nào vào nền văn học của ta. Tại sao vậy ?

— Tại vì các giáo sĩ đặt ra tiếng Việt là để dùng trong việc truyền giáo (để dạy nhau học tiếng Việt, để chỉ cho nhau về những danh từ tiện lợi cho việc truyền giáo).

— Tại vì giới giáo dân lúc đó thu hẹp, không ảnh hưởng gì đến đời sống của dân chúng.

c) Bởi thế, trong khoảng hơn hai thế kỷ sau khi chữ Quốc Ngữ được phát minh, dân Việt vẫn giữ nguyên nền tảng Hán học, vẫn tự vẫn là chữ Nho và chữ Nôm. Không những thế, chữ Nôm còn được những thời kỳ rất thịnh hành, vì nhiều tác phẩm tuyệt diệu chịu ảnh hưởng Nho học và viết bằng chữ Nôm, đã được tạo ra trong thời kỳ đó.

Ngay đến khoảng giữa thế kỷ 19 (2 thế kỷ sau khi các giáo sĩ đặt ra chữ Quốc Ngữ), Nguyễn Trường Tộ, với trí óc cách mạng bậc nhất thời đó, vẫn hầu như chưa biết đến chữ Quốc Ngữ viết bằng mẫu tự La Mã. Trong Tế Cấp Bát Điều, nhà cách mạng đó đề nghị cải cách văn học, bằng việc bỏ chữ Nho, dùng Quốc văn mà quốc văn này được viết bằng một thứ chữ Nôm dựa theo chữ Nho.

đ) Sự thịnh hành về văn Nôm và chữ Nôm, được chứng minh bởi những tên tác giả và những tác phẩm trong thời kỳ thế kỷ 18 và 19. Các chuyện văn vần như Bội Câu, Phan Trần, Nhị Độ Mai, các tác giả như Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Bà Thanh Quan, Hồ Xuân Hương; — học giả Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú; — Đoàn thị Điểm với Chinh Phụ Ngâm, Nguyễn Huy Tự với Hoa Tiên, Nguyễn Gia Thiều với Cung Oán, và nhất là Nguyễn Du với Đoạn Trường Tân Thanh.

Nhưng, như chúng ta đã nói, nền văn học đó vẫn theo lẽ lối xưa. Văn vần được trọng, cách hành văn, tư tưởng, học thuật, đều chịu ảnh hưởng Hán học.

3. — Phải chờ đến biến cố chánh trị lịch sử là sự thành lập chế độ thuộc Pháp, chữ Quốc Ngữ (mẫu tự La tinh) mới bắt đầu thông dụng. Lúc ấy, nền tảng văn học mới ở nước ta mới tạo thành để thích ứng với tình thế.

Lúc đầu, tình thế còn lung tung, trào Văn Thân vang dậy khắp nơi, nên Pháp chưa làm gì được để hủy nền văn học cũ của ta.

Lần lần, Pháp thắt chặt lại. Những kỳ thi theo thể cũ thừa di rồi chấm dứt. Nền tảng giáo dục mới được ban hành, rập theo chương trình Pháp, và lấy trên chữ Quốc-Ngữ và chữ Pháp.

Nhưng dụng ý của chánh phủ Bảo-Hộ Pháp không được tốt: xem trong chương-trình tiểu học, chữ Quốc ngữ chỉ được dạy sơ sài, và chỉ được bằng-vai tiếng

Những tác phẩm viết bằng chữ nôm thường bị sao di sao lại, dễ bị làm; thêm nữa, cách viết chữ nôm cũng không đồng nhất trong toàn quốc, nên các bản chữ nôm càng dễ bị thất bản. Bởi thế nên công cuộc nghiên cứu các bản nôm cũ rất cạn.

Về Chinh Phụ Ngâm Khúc, ngoài bản của ông Nguyễn Đỗ Mục, còn mấy bản khác nữa, như bản của ông Nguyễn Quang Oánh, bản của ông Sở Cường. Trong bản của ông Nguyễn Đỗ Mục, cũng có những khuyết điểm, tỷ dụ như không ghi rõ những xuất xứ, hoặc có những câu không chắc đúng với nguyên bản, bởi sai lạc với câu Hán văn. Nhưng ông Nguyễn Đỗ Mục có một công trình rất lớn trong bản của ông, bởi ông đã:

1. — Ghi cả nguyên bản Hán văn của Đặng Trần Côn, rồi dùng văn xuôi dịch sát nghĩa, nhờ đó mà người đọc càng hiểu rõ câu văn của bà Đoàn thị Điểm, và càng nhận được tài dịch của bà.

2. — Chú giải rất kỹ càng, công phu. Phải là người có Hán học uyên thâm như ông Nguyễn Đỗ Mục mới chú giải tường tận và tinh tế được như thế.

Nhận xét về văn nghiệp của ông Nguyễn Đỗ Mục.

1. — Khởi xướng trào tiểu thuyết.

Hồi đầu thế kỷ 20, những bộ tiểu thuyết dịch như Song Phụng Kỳ Duyên, Tái Sinh Duyên, rất được ham đọc. Những bộ truyện cổ, không có gì kỳ lạ khác thường ngoài những tình tiết của câu chuyện

kè ra một cách mộc mạc, đã hấp dẫn được đàn bà con gái thời đó. Những chuyện ấy (chuyện nàng Chiêu Quân tài sắc bị đau khổ vì gian thần hãm hại, phải đem cống Hồ; chuyện nàng Mạnh Lệ Quân tài ba hơn cả tu mi) chỉ là những câu chuyện cò, không đem lại cái gì mới lạ, nhưng cũng mở ra được trào sinh tiêu thuyết, để cho các nhà văn sau này được dễ dàng hưởng ứng trong các sáng tác mới.

2 — Có công nghiên cứu văn học Việt Nam với cuốn Chinh Phụ Ngâm Khúc dẫn giải, nghiên cứu và chú giải tường tận, công phu.

3. — Có công phổ biến tư tưởng trong văn hóa Đông phương. Những cuốn sách dịch như Đông Chu Liệt Quốc, những bộ sách dịch Khổng Tử, đều quý giá và góp phần xây dựng văn học mới. (ảnh hưởng của nền tảng văn học cũ vào văn học mới vẫn còn mạnh và ích lợi).

4. — Văn chương của ông Nguyễn Đỗ Mục thật là tự nhiên, lưu loát, tài dịch thật là đặc biệt.

Dịch tiêu thuyết, ông có thứ văn phong phú, nhẹ nhàng, lưu loát, tự nhiên, và cũng chứng minh như hai ông Vĩnh và Bình, rằng tiếng Việt rất đầy đủ và tinh tế để diễn tả mọi tình tiết của câu chuyện.

Dịch văn cò, dịch những bài bình luận cò, ông cũng có thứ văn giản dị, lưu loát, rõ ràng, khúc triết, và nhất là chắc nịch. Trong mọi trường hợp, ông dịch rất công phu, đều đều. Trong các sách dịch của ông, chỉ có tập Tây Sương Ký, đáng lẽ dịch theo đúng nguyên văn, thì ông lại xen vào những câu tập Kiều làm cho

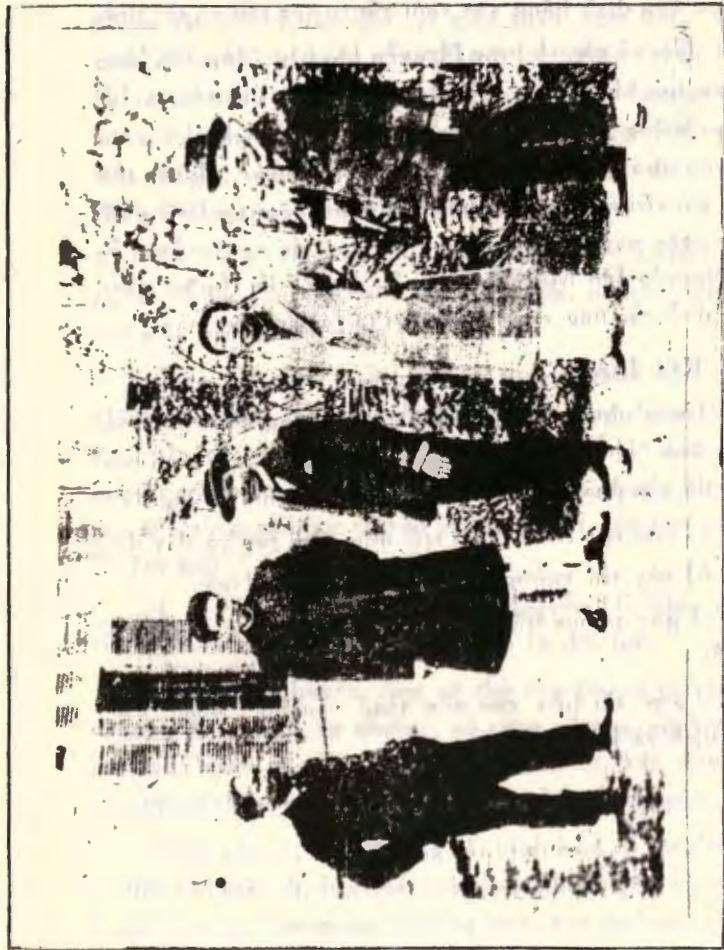
một số người đọc chán nản, và làm cho ý nghĩa của bản chính bị sai lạc. Còn ngoài tập đó ra, các bộ khác đều được ông dịch bằng văn xuôi rất tường tận và tài tình.

Nói về văn chương Nguyễn Đỗ Mục, ông Vũ Ngọc Phan tuy nhận định rằng ngày nay... « người ta bắt đầu chuộng những lối văn tả thực và thích tìm trong truyện những thú của quê hương đất nước, những thú gần gũi với mình... », nhưng lại viết thêm : « Riêng cái việc ngày nay người ta còn ham đọc những truyện Tàu do Nguyễn Đỗ Mục dịch thuật, cũng đủ chứng rằng văn dịch của ông cảm dỗ người ta biết chừng nào... »

Kết luận.

Cũng như các văn hữu trong Đông Dương Tập Chí, ông Nguyễn Đỗ Mục với lối văn dịch tài tình của ông, đã góp phần xây dựng nền Quốc văn mới. Ông đã :

- a) làm cho tiếng Việt trở nên sống sủa và đầy đủ.
- b) gây tin tưởng đối với chữ Quốc Ngữ
- c) gây phong trào yêu Quốc văn, phong trào tiêu thuyết...
- d) góp tài liệu cho nền tảng văn học, bằng các sách dịch và khảo cứu.



BÙI XUÂN THÀNH PHẠM QUYNH PHẠM HUY LỤC NGUYỄN VĂN VINH
PHẠM QUYNH ĐI LÂM BÁO NAM PHONG

1917 - TOÀ SOẠN ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ CHIA TAY VỚI ÔNG
PHẠM QUYNH ĐI LÂM BÁO NAM PHONG

JEUDI 15 MAI 1913

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

Edition spéciale du LUC TIENTHAY SAYS pour le Tonkin et l'Annam

志雜洋東

MỖI TUẦN LÈ RA MỘT SỐ, NGÀY THỨ NĂM

GIẤY ĐĂNG TRUYỀN ĐÔNG-DƯƠNG
VA TRONG CÁC THUỐC ĐIA LANGSA
Một năm 6 \$ 00
Sáu tháng 4 00
Mỗi số 0 15

Chu-sơn: F.-H. SCHNEIDER

BÁO QUẢN TÀI

Hanoi, Đường Carreau, số 20

GIẤY TÍN CHỨNG NGUYỄN QUỠC

Mai năm 7 / 7 20

PUBLICITE

Pour les annonces commerciales, demander le tarif qui sera envoyé par retour du courrier.
Pour les annonces judiciaires et les annonces légales, tarif spécial pour les Officiers ministériels.
On traite à forfait.

BỘ-CẢO

Những lời rao về việc mua bán, nếu gọi theo tên bản-quản thì Bản-quản sẽ gửi cho một cái bằng để gia phân minh.
Còn lời rao thuộc về việc mua và lời rao theo luật hoặc lệ của nước thì các quan chức-tư.
Xin gửi, theo thường lệ.

Cấm ngặt không ai được phép chép các bài trong Báo Đông Dương này mà đem vào nhật trình hoặc làm sách

MỤC LỤC

1. - TIN SẮC CHING.
2. - CHU-XO-THIEN. - Dân-quân chế nhạo.
3. - QUAN-TI. - Tự thông-lưu của quan Thông-sứ về việc ngân quỹ những kế hoạch-ngân-loại-nghê.
- Tự thông-lưu về việc tư thông-hức và tư thông-lưu cho các ông Tham, ông Phấn và ông Kỳ các tỉnh.
4. - ĐIỀU-ĐO. - Đại-Philip - Đông-Dương - Trung-Hoa - An-hầu chỉ đạo.
- Monilly.
5. - PHƯƠNG-VIET - Tân-nam-tử.
6. - VIỆC TÀI-CHÁ. - Nguyễn-uy - Báo mà hai quan-tư bị hại - Các điển-căn - Các lời răn - Cách trình-trí - Hội-dồng Bà-hình - Lời, Gửi - Khổ trình - Các tăng-phần - Tin tức - Các câu.
- Các câu. - Bản-quân.
- Các câu tin.

Năm ở trang 13 có bài luận-cáo nói về mục-tiêu bản-báo ở những việc mua báo, giá báo, các nơi bán báo, cần cần.

TIN SAU CÙNG

Những tin sau đây bản-quản tiếp được lúc sắp in, chưa kịp gửi xem trước cho các bạn.

Kết quả được trình báo Quan Nguyễn-Bách, an-sát Lạng-son, đã bắt được tên thủ-phạm việc trái-phá, mới được ký-bản luận-phủ.

Bản-quản có lời kính mừng quan-ân, và lại được cảm tình một cách đặc biệt vì ngài lại là người cũng lang với chủ-bút bản-quản.

Trong đám tưng-phục có tên hội-bán đầu ở Hà-nội, mới bắt được ở Hải-phong. Tên ấy vì một điều tham danh một cách lạ mà hầu ra liền can vào việc lợi ưc.

Một bữa kia có người trong bọn

khởi loạn đến đưa cho tên ấy một đạo bằng lòng-thông-quản Phục-quốc coi đạo Bắc-kỳ. Phòng chủ-chức trước ấy rồi khiến tên hội-bán ở lại Hương-công, hẹn rằng khi nào thời đến, bấy giờ sẽ giao quân cho mà coi.

Tên ấy bởi có bụng tin danh vọng tỏ ấy cho nên việc gì cũng làm, đến nỗi ngày nay hoá ra một đứa tông-phản, trong can trong việc mới rồi.

Ước gì các đồng-bang ta nghe chuyện này mà nên giận: người an-nam vì cái đại, không những là thiệt thân, lại còn dè một trò cười về sau.

Bây giờ những người thù của Nhà-nước thực là thù cả của dân: